

ĐỀ THI THỬ
(Đề thi có 6 trang)

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề kiểm tra 303

Câu 1: Với n là số nguyên dương thỏa mãn $A_n^1 + A_n^2 = 100$, số hạng không chứa x trong khai triển của biểu thức $\left(\sqrt{x} - \frac{1}{x^2}\right)^n$ bằng

- A. 45. B. -45. C. -90. D. 90.

Câu 2: Trong không gian $Oxyz$, cho hai đường thẳng $d_1: \frac{x-3}{-1} = \frac{y-3}{-2} = \frac{z+2}{1}$; $d_2: \frac{x-5}{-3} = \frac{y+1}{2} = \frac{z-2}{1}$ và mặt phẳng $(P): x + y + 3z - 5 = 0$. Số đường thẳng song song với mặt phẳng (P) , cắt cả hai đường d_1, d_2 là

- A. 3. B. vô số. C. 1. D. 0.

Câu 3: Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(-2; 2; 4)$ và $B(2; -4; 2)$. Mặt phẳng trung trực của AB có phương trình là

- A. $2x - 3y - z - 14 = 0$. B. $2x - 3y - z - 6 = 0$. C. $2x - 3y - z = 0$. D. $\frac{x}{2} = \frac{y+1}{-3} = \frac{z-3}{-1}$.

Câu 4: Cho hình nón có diện tích xung quanh bằng $3\pi a^2$ và bán kính đáy bằng a . Tan của góc giữa một đường sinh và mặt đáy của nón là

- A. $\frac{1}{3}$. B. 8. C. $\frac{2\sqrt{2}}{3}$. D. $2\sqrt{2}$.

Câu 5: Trong không gian $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \frac{x-1}{-2} = \frac{y-2}{1} = \frac{z-3}{5}$. Đường thẳng d có một vector chỉ phương là

- A. $\vec{u}_2 = (2; 1; 5)$. B. $\vec{u}_3 = (1; 2; 3)$. C. $\vec{u}_4 = (-2; 1; -5)$. D. $\vec{u}_1 = (2; -1; -5)$.

Câu 6: Biết $\int_1^2 \frac{dx}{\sqrt{x+1}\sqrt{x+2}} = \ln(a\sqrt{6} + b\sqrt{3} + c\sqrt{2} + d)$ với a, b, c, d là các số nguyên. Tính $P = a + b + c + d$.

- A. $P = 93$. B. $P = 65$. C. $P = 45$. D. $P = 17$.

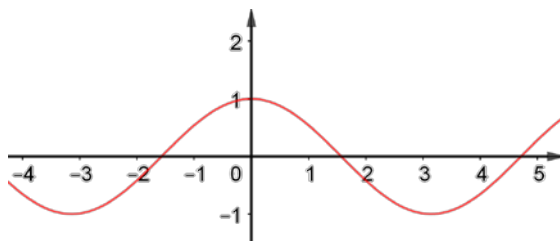
Câu 7: Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x + 1$ có đồ thị (C) . Hai tiếp tuyến $(d_1), (d_2)$ của đồ thị (C) song song với nhau và có hoành độ tiếp điểm là x_1, x_2 . Tổng $x_1 + x_2$ bằng

- A. 1. B. $2x_1$. C. 2. D. 3.

Câu 8: Với a là số thực bất kỳ, mệnh đề nào dưới đây đúng?

- A. $\log a^2 = 2\log a$. B. $\log|3a| = 3\log|a|$.
C. $\log(10a^2) = \log(a^2) + 1$. D. $\log(10a^2) = 10\log(a^2)$.

Câu 9: Hình chữ nhật $ABCD$ có hai đỉnh A, B thuộc trục Ox , hai đỉnh C, D thuộc đồ thị hàm số $y = \cos x$ (xem hình bên).



Biết rằng $AB = \frac{2\pi}{3}$. Diện tích hình chữ nhật $ABCD$ bằng bao nhiêu?

A. $\frac{\pi^2}{3}$.

B. $\frac{2\pi}{3}$.

C. $\frac{\pi}{3}$.

D. $\frac{2\pi^2}{3}$.

Câu 10: Cho tập hợp M có 12 phần tử. Số tập con gồm 3 phần tử của M là

A. C_{12}^3 .

B. A_{12}^3 .

C. 12^3 .

D. $P_3 \cdot P_{12}$.

Câu 11: Tổng giá trị tất cả các nghiệm của phương trình $\log_5 x \cdot \log_{25} x + \log_{125} x \cdot \log_{625} x = \frac{7}{3}$ bằng

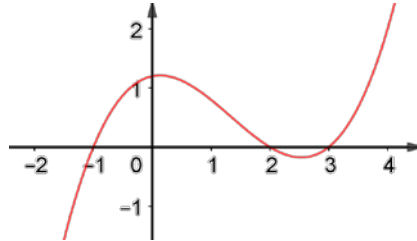
A. $\frac{626}{25}$.

B. 125.

C. 76.

D. $\frac{624}{25}$.

Câu 12: Cho hàm số $y = f(x)$. Hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình bên.



Hàm số $y = f(1-x)$ đồng biến trên khoảng

A. $(-1; +\infty)$.

B. $(2; 3)$.

C. $(-\infty; -1)$.

D. $(-2; -1)$.

Câu 13: Cho hàm số $f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ thỏa mãn $f(x) + f(2018-x) = 2$ với mọi $x \in \mathbb{R}$. Tính giá trị của tích phân $\int_0^{2018} f(x) dx$?

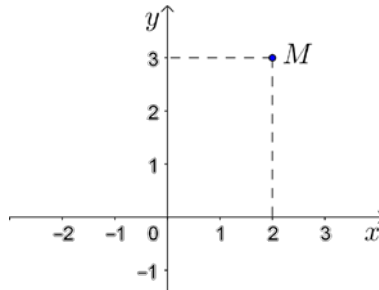
A. 4036.

B. 2018.

C. 1009.

D. 1009^2 .

Câu 14: Điểm M trong hình vẽ bên



là biểu diễn số phức

A. $z = 3 + 2i$.

B. $z = 3 - 2i$.

C. $z = 2 - 3i$.

D. $z = 2 + 3i$.

Câu 15: Cho hình chóp $S.ABCD$, đáy $ABCD$ là hình chữ nhật có $AB = a$, $BC = 2a$. Mặt bên SAB là tam giác đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với đáy $(ABCD)$. Diện tích S của mặt cầu ngoại tiếp hình chóp $S.ABCD$ là

A. $\frac{16\pi a^2}{3}$.

B. $\frac{8\pi a^2}{3}$.

C. $\frac{16\pi a^2}{9}$.

D. $\frac{4\pi a^2}{3}$.

Câu 16: Đồ thị của hàm số nào dưới đây có tiệm cận ngang

A. $y = \frac{\sqrt{x^2-1}}{x-2}$.

B. $y = \sin x$.

C. $y = \sqrt{x^2-1}$.

D. $y = \frac{x^3}{x^2+1}$.

Câu 17: Từ các chữ số $\{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$, lập một số bất kì gồm 3 chữ số. Tính xác suất để số nhận được chia hết cho 6.

A. $\frac{1}{6}$.

B. $\frac{1}{4}$.

C. $\frac{2}{7}$.

D. $\frac{1}{8}$.

Câu 18: $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{2017x-2}{2018x+5}$ bằng

A. $\frac{-2}{5}$.

B. $\frac{2017}{2018}$.

C. 0.

D. 1.

Câu 19: Gọi S là tập hợp tất cả các giá trị nguyên của tham số m sao cho đồ thị hàm số $y = |x^3 - 3x + m|$ và trục hoành có nhiều hơn 2 điểm chung. Số phần tử của S là

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 20: Số giá trị nguyên dương của m để hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - 3x^2 + (m - 2017)x + 2018$ nghịch biến trên khoảng $(0; 2)$ là?

A. 2015.

B. 2017.

C. 2016.

D. 2018.

Câu 21: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	$-\sqrt{2}$	0	$\sqrt{2}$	$+\infty$				
$f'(x)$		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$	
$f(x)$	$+\infty$		-2		2		-2		$+\infty$

Hàm số $y = f(x)$ đồng biến trên khoảng nào dưới đây

A. $(-2; +\infty)$.

B. $(-\infty; 0)$.

C. $(-1; 0)$.

D. $(-2; 2)$.

Câu 22: Tích phân $\int_2^7 \frac{x dx}{x^2 + 1}$ bằng $a \ln 2 - b \ln 5$. Giá trị của $2a + b$ bằng

A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{1}{2}$.

C. 2.

D. 1.

Câu 23: Trong không gian $Oxyz$, cho ba điểm $M(3; 0; 0)$, $N(0; 1; 0)$ và $P(0; 0; -2)$. Mặt phẳng (MNP) có phương trình là

A. $\frac{x}{3} + \frac{y}{1} + \frac{z}{-2} - 1 = 0$.

B. $\frac{x}{3} + \frac{y}{1} + \frac{z}{-2} = 0$.

C. $\frac{x}{3} + \frac{y}{1} + \frac{z}{2} - 1 = 0$.

D. $\frac{x}{3} + \frac{y}{1} + \frac{z}{-2} + 1 = 0$.

Câu 24: Cho hàm số $f(x)$ xác định trên $\mathbb{R} \setminus \{0\}$ thỏa mãn $f'(x) = \frac{3x^2 + 1}{x^3 + x}$, $f(-1) = 0$ và $f(1) = 2$. Giá trị của biểu thức $f(-2) - f(2)$ bằng

A. 2.

B. $2 + 2 \ln 5$.

C. $-2 + 2 \ln 5$.

D. -2.

Câu 25: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	-1	3	$+\infty$			
y'		+	0	-	0	+	
y	$-\infty$		4		-2		$+\infty$

Số nghiệm phương trình $f(x + 5) - 4 = 0$ là

A. 0.

B. 2.

C. 3.

D. 1.

Câu 26: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên đoạn $[a; b]$. Gọi D là hình phẳng giới hạn bởi đồ thị của hàm số $y = f(x)$, trục hoành và hai đường thẳng $x = a$, $x = b$ ($a < b$). Thể tích của khối tròn xoay tạo thành khi quay D quanh trục hoành được tính theo công thức

A. $V = \pi \int_a^b [f(x)]^2 dx$.

B. $V = 2\pi^2 \int_a^b [f(x)]^2 dx$.

C. $V = 2 \int_a^b [f(x)]^2 dx$.

D. $V = 2\pi^2 \int_a^b f(x) dx$.

Câu 27: Số nghiệm thực của phương trình $3^{x^3 + \frac{1}{4x^3}} + 3^{\frac{x+1}{x}} = 6$ là

A. 1.

B. 6.

C. 2.

D. 0.

Câu 28: Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho điểm $A(5; -6; 7)$. Hình chiếu vuông góc của A trên mặt phẳng (Ozx) là điểm

- A. $Q(5; 0; 0)$. B. $M(5; 0; 7)$. C. $N(0; -6; 0)$. D. $P(5; -6; 0)$.

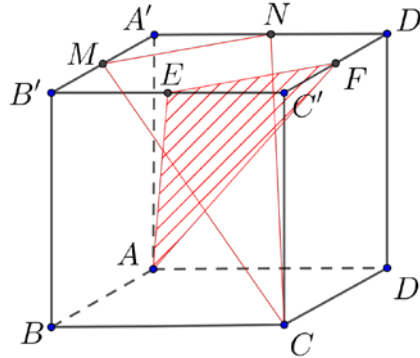
Câu 29: Cho ba số phức z_1, z_2, z_3 không phải là số thuần thực, thỏa mãn điều kiện $z_1 + z_2 = 4$ và $|z_1 - 2| = |z_2 - 2| = |z_3 - 2| = 1$. Tính giá trị biểu thức $T = |z_3 - z_1|^2 + |z_3 - z_2|^2$?

- A. $T = 12$. B. $T = 1$. C. $T = 4$. D. $T = 8$.

Câu 30: Có bao nhiêu giá trị nguyên dương của tham số m để bất phương trình $9^x - 4 \cdot 6^x + (m-1)4^x \leq 0$ có nghiệm?

- A. 5. B. 4. C. vô số. D. 6.

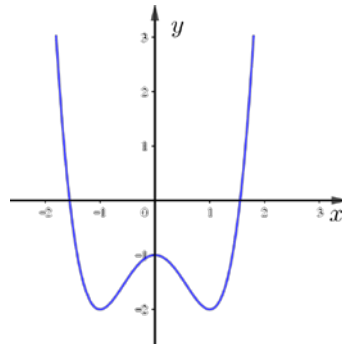
Câu 31: Cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$ có M, N, E, F lần lượt là trung điểm của cạnh $A'B'$, $A'D'$, $B'C'$, $C'D'$ (tham khảo hình bên)



Cosin của góc tạo giữa hai mặt phẳng (CMN) và (AEF) bằng

- A. $\frac{2}{17}$. B. $\frac{1}{17}$. C. $\frac{1}{2}$. D. 0.

Câu 32: Đường cong trong hình bên



là đồ thị của hàm số nào dưới đây?

- A. $y = -x^4 + 2x^2 - 1$. B. $y = x^3 - 2x^2 + 1$. C. $y = x^4 - 2x^2 - 1$. D. $y = -x^3 + 4x^2 + 1$.

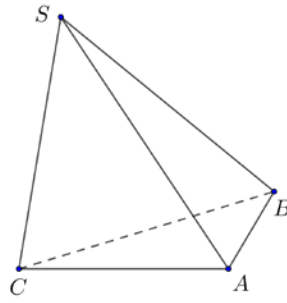
Câu 33: Thể tích của khối lăng trụ có chiều cao bằng h và diện tích đáy bằng h^2 là

- A. $V = h^3$. B. $V = \frac{1}{6}h^3$. C. $V = \frac{1}{3}h^3$. D. $V = \frac{1}{2}h^3$.

Câu 34: Cho tứ diện đều $ABCD$ có cạnh bằng $\sqrt{3}$. Tính diện tích xung quanh S_{xq} của hình trụ có một đường tròn đáy là đường tròn ngoại tiếp tam giác BCD và chiều cao bằng chiều cao của tứ diện $ABCD$.

- A. $S_{xq} = \pi\sqrt{2}$. B. $S_{xq} = 2\pi(\sqrt{2} + 1)$. C. $S_{xq} = 2\pi\sqrt{2}$. D. $S_{xq} = \pi(\sqrt{2} + 2)$.

Câu 35: Cho hình chóp $SABC$ có $\widehat{SBA} = \widehat{BAC} = \widehat{ACS} = 90^\circ$ và $AB = AC = a$, $SA = 2a$ (tham khảo hình bên).



Góc giữa đường thẳng SA và mặt phẳng (ABC) bằng

- A. 75° . B. 60° . C. 30° . D. 45° .

Câu 36: Có bao nhiêu giá trị nguyên nhỏ hơn 2018 của tham số m để hàm số $y = |x^4 - 4x^2 + m|$ có 3 điểm cực trị?

- A. 2015. B. 2014. C. 2017. D. 2016.

Câu 37: Một hộp chứa 13 quả bóng gồm 6 quả bóng màu xanh và 7 quả bóng màu đỏ. Chọn ngẫu nhiên đồng thời 2 quả bóng từ hộp đó. Xác suất để 2 quả cầu chọn ra cùng màu bằng

- A. $\frac{6}{13}$. B. $\frac{8}{13}$. C. $\frac{7}{13}$. D. $\frac{5}{13}$.

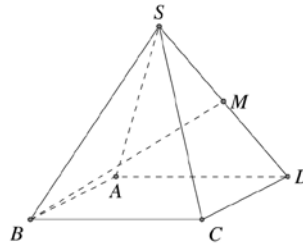
Câu 38: Biết rằng phương trình $z^4 + z^3 + 2z^2 + 3z - 3 = 0$ có hai nghiệm thuần ảo. Tích phần ảo của hai nghiệm đó bằng

- A. $-3i$. B. 3. C. -3 . D. $3i$.

Câu 39: Giá trị lớn nhất của hàm số $f(x) = \frac{1}{3}x^3 - 2x^2 + 3x + 1$ trên đoạn $[2; 3]$ bằng

- A. 1. B. 3. C. $\frac{7}{3}$. D. $\frac{5}{3}$.

Câu 40: Cho hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$ có cạnh bên dài gấp đôi cạnh đáy. Gọi M là trung điểm của SD (tham khảo hình vẽ bên).



Tang của góc giữa đường thẳng BM và mặt phẳng $(ABCD)$ bằng

- A. $\frac{6}{\sqrt{14}}$. B. $\frac{3\sqrt{2}}{5}$. C. $\frac{4}{5}$. D. $\frac{\sqrt{7}}{3}$.

Câu 41: Họ nguyên hàm của hàm số $f(x) = 4x^3 + 3x^2$ là

- A. $4x^4 + 3x^3 + x + C$. B. $x^4 + x^3 + C$. C. $x^4 + x^3 + x + C$. D. $4x^4 + 3x^3 + C$.

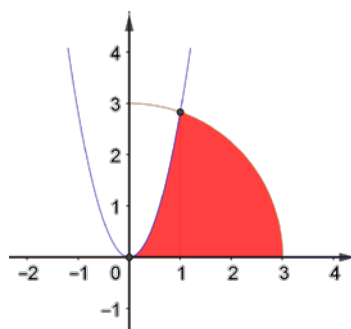
Câu 42: Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 = 9$ và điểm $M(2; 3; 6)$. Hình nón (N) có đỉnh là M , đáy là hình tròn tạo bởi các tiếp điểm của các tiếp tuyến kẻ từ M đến mặt cầu (S) . Thể tích V của khối nón (N) là

- A. $\frac{4800\pi}{343}$. B. $\frac{280\pi}{9}$. C. $\frac{50\sqrt{7}\pi}{7}$. D. $\frac{100\pi}{7}$.

Câu 43: Một người vay 100 triệu đồng tại một ngân hàng với lãi suất $0,8\%$ / tháng. Người đó lên kế hoạch trả hết nợ trong thời gian 2 năm (bao gồm cả vốn và lãi suất phải trả cho ngân hàng). Số tiền mỗi tháng người đó trả cho ngân hàng là như nhau. Hỏi số tiền mỗi tháng người này phải trả cho ngân hàng là bao nhiêu (đồng)?

- A. 4.596.050 đồng. B. 4.815.620 đồng. C. 4.632.820 đồng. D. 4.854.150 đồng.

Câu 44: Cho hình (H) là hình phẳng giới hạn bởi parabol $y = 2\sqrt{2}x^2$, cung tròn có phương trình $y = \sqrt{9 - x^2}$ (với $0 \leq x \leq 3$) và trục hoành (phần tô đậm trong hình vẽ).



Thể tích khối tròn xoay tạo thành khi quay hình (H) quanh trục Ox là

- A. $\frac{164}{15}$. B. $\frac{164\pi}{15}$. C. $\frac{163\pi}{15}$. D. $\frac{163}{15}$.

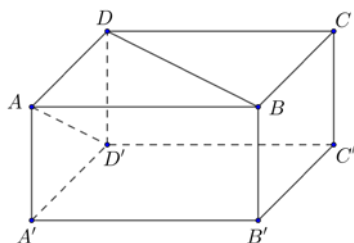
Câu 45: Tập hợp nghiệm của bất phương trình $\frac{1}{2^{1-x}} < 2^{3x-7}$ là

- A. $(-\infty; 3)$. B. $(3; 6)$. C. $(0; 3)$. D. $(3; +\infty)$.

Câu 46: Trong không gian $Oxyz$, cho hai điểm $A(-1; 2; 1)$, $B(2; 3; 2)$. Đường thẳng (d) đi qua O sao cho tổng khoảng cách từ A và B đến (d) lớn nhất có phương trình là

- A. $\frac{x}{1} = \frac{y}{4} = \frac{z}{7}$. B. $x + 4y - 7z = 0$. C. $x + 4y + 7z = 0$. D. $\frac{x}{1} = \frac{y}{4} = \frac{z}{-7}$.

Câu 47: Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có cạnh bằng $AB = 2a$, $AD = AA' = a$. (tham khảo hình bên)



Khoảng cách giữa hai đường thẳng BD và AD' bằng

- A. a B. $\frac{2a}{3}$ C. $a\sqrt{3}$ D. $\frac{a}{2}$

Câu 48: Trong không gian $Oxyz$, cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$. Mặt phẳng $(ABCD)$ cắt các trục Ox , Oy , Oz lần lượt tại $M(1; 0; 0)$, $N(0; 1; 0)$, $P(0; 0; -2)$. Mặt phẳng $(A'B'C'D')$ cắt trục Oz tại điểm $Q(0; 0; 10)$. Thể tích V của khối lập phương $ABCD.A'B'C'D'$.

- A. 8. B. 32. C. 64. D. 16.

Câu 49: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	0	$\frac{4}{3}$	$+\infty$				
$f'(x)$		$+$	0	$-$	0	$+$		
$f(x)$		$-\infty$	$\nearrow$	2	$\searrow$	$\frac{22}{27}$	$\nearrow$	$+\infty$

Điểm cực đại của hàm số $y = f(x)$ là

- A. $x = 2$. B. $(2; 0)$. C. $x = 0$. D. $(0; 2)$.

Câu 50: Gọi z_1 và z_2 là hai nghiệm phức của phương trình $5z^2 - 4z + 2 = 0$. Giá trị của biểu thức $z_1^2 z_2 + z_2^2 z_1$ bằng

- A. $\frac{2}{25}$. B. $\frac{-8}{25}$. C. $\frac{8}{25}$. D. $\frac{-2}{25}$.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN TOÁN THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Câu	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324
1	C	C	A	C	C	D	C	D	B	C	B	B	B	B	D	C	D	C	D	B	C	B	D	B
2	B	B	B	C	C	D	D	A	C	A	D	D	C	C	D	A	C	B	A	B	C	B	A	A
3	A	C	C	B	A	A	A	C	A	D	C	C	B	B	B	D	D	A	B	C	C	B	B	B
4	A	D	D	A	D	B	D	C	A	D	D	C	C	C	D	C	A	B	C	D	D	D	D	B
5	A	C	D	C	C	D	A	A	D	A	B	B	C	C	C	A	A	B	C	A	A	C	D	A
6	B	A	D	B	C	D	A	A	B	C	D	B	B	B	A	A	D	B	C	A	B	B	C	C
7	A	C	C	B	A	D	D	D	D	B	B	B	C	C	B	B	B	D	A	C	A	D	D	C
8	D	C	C	C	A	B	B	D	C	D	B	B	D	D	B	B	D	C	A	B	A	D	B	C
9	A	A	C	D	C	B	D	D	A	D	A	A	C	C	C	D	C	D	B	C	A	A	B	D
10	A	B	A	B	B	A	D	A	A	C	C	A	A	A	D	A	B	A	B	B	B	B	D	A
11	B	D	A	D	D	A	B	D	D	B	A	B	C	C	D	C	A	D	B	D	C	C	B	C
12	D	D	D	D	B	B	A	C	B	A	A	D	A	A	A	D	B	D	C	A	A	A	B	D
13	B	B	B	A	C	C	D	A	C	B	A	A	C	C	C	B	B	C	A	D	C	D	A	C
14	D	A	D	B	A	B	C	C	B	B	A	B	A	A	C	B	D	B	D	D	B	D	B	D
15	B	B	A	B	C	A	B	B	A	A	A	C	D	D	B	C	C	A	A	C	D	A	D	B
16	C	C	A	A	D	D	D	A	C	C	C	A	B	B	A	B	D	A	D	A	A	A	D	D
17	B	D	A	C	D	B	D	A	B	B	B	D	B	B	B	B	D	D	A	A	B	B	C	C
18	C	A	B	B	A	D	A	A	A	D	D	C	B	B	B	D	C	B	A	C	D	A	A	D
19	A	B	A	A	A	D	A	D	C	C	B	C	C	C	D	D	D	A	B	A	A	B	B	C
20	A	A	B	D	B	C	B	B	A	D	D	C	A	A	A	A	A	A	A	B	C	C	C	D
21	B	B	C	D	D	A	B	B	A	A	C	D	D	D	A	A	C	C	B	C	D	D	C	A
22	D	A	B	C	D	C	D	C	A	A	B	C	A	A	C	A	C	A	C	A	B	C	B	A
23	A	D	A	D	B	C	C	B	C	B	C	D	D	D	D	D	D	B	B	B	C	B	A	B
24	B	B	D	C	B	C	C	C	A	B	C	A	D	D	B	D	B	A	D	B	D	C	D	A
25	D	C	B	A	A	C	A	D	B	D	D	A	D	D	A	A	B	A	D	D	A	D	D	D

26	B	A	A	B	A	A	A	B	B	A	B	B	A	A	B	B	B	D	B	A	D	D	A	C
27	C	B	D	C	D	D	B	B	D	C	C	A	D	D	D	B	B	A	B	D	C	A	A	B
28	A	C	B	A	B	A	B	A	A	B	D	B	D	D	A	B	A	C	C	D	C	A	C	B
29	B	D	C	A	B	B	B	A	D	D	D	C	B	B	C	B	B	D	A	B	C	C	A	C
30	C	A	A	D	B	A	A	B	C	D	C	A	A	A	D	C	D	A	C	C	B	D	B	A
31	A	D	B	A	C	C	C	C	B	C	C	C	A	A	D	A	C	C	B	B	A	B	D	A
32	D	D	C	C	C	B	C	B	A	A	A	B	B	B	C	C	A	B	D	B	A	C	A	B
33	B	B	A	D	B	A	A	C	A	D	B	D	C	C	C	B	A	C	D	A	B	D	A	D
34	B	C	C	B	A	B	A	D	C	C	C	C	B	B	B	C	C	D	B	D	D	A	A	B
35	D	A	D	D	B	C	B	B	D	A	A	A	C	C	A	C	B	A	B	A	A	A	B	C
36	C	B	B	C	D	C	D	A	A	C	D	B	B	B	A	D	D	C	A	C	B	C	D	A
37	C	A	A	A	D	A	C	C	D	C	A	D	D	D	C	A	A	A	B	C	A	D	B	B
38	A	D	C	A	A	D	B	D	D	A	D	D	A	A	A	D	D	B	A	C	B	C	C	C
39	C	C	D	D	D	D	C	A	D	B	B	A	A	A	B	D	A	D	B	B	D	B	A	D
40	D	D	D	B	A	A	D	B	D	C	C	B	B	B	D	D	B	B	C	D	B	C	B	A
41	D	A	B	C	D	A	B	A	B	B	B	A	D	D	C	A	B	C	D	C	D	C	D	D
42	D	D	A	B	B	B	B	C	C	A	C	A	C	C	A	C	A	B	D	A	D	A	D	A
43	D	B	A	D	D	C	C	B	D	D	C	A	D	D	B	C	A	C	D	D	C	C	C	D
44	C	D	B	C	D	D	D	D	D	B	D	C	A	A	C	A	C	D	C	C	D	A	C	B
45	D	D	D	A	C	D	D	D	C	B	A	D	A	A	D	A	C	C	C	A	B	C	C	D
46	B	D	D	D	B	C	C	B	C	C	A	A	A	A	C	D	D	B	C	D	D	C	A	D
47	C	A	B	A	A	A	C	C	C	B	C	D	A	A	D	D	C	A	D	C	C	A	D	A
48	C	C	C	A	C	B	C	C	B	D	A	D	D	D	A	C	C	D	C	A	D	B	C	B
49	C	B	C	B	C	C	A	B	B	B	B	D	C	C	D	C	A	D	A	B	D	D	C	C
50	B	C	C	A	D	B	B	D	B	A	D	C	B	B	B	B	D	C	D	D	B	B	C	A